

6. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 Phụ lục VII như sau:

Mẫu số 02. Hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác

Số:...../20...../HĐ-DVHST-UT

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hôm nay, ngày tháng năm 20... tại, chúng tôi gồm:

1. Bên A - Bên ủy thác: (Bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên)

Đại diện: Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế:

2. Bên B - Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh/thành phố hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trường hợp bên nhận ủy thác là Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam)

Đại diện: Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế:

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên với các điều, khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- 1. Bên A ủy thác cho bên B trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cho các bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, cụ thể:..... *(tên cơ sở, tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên)*.
- 2. Các hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và quy mô hoạt động *(loại hình hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, công suất, diện tích, thời gian, ...)*.

.....
.....
.....

3. Thời gian và số tiền chi trả

- Thời gian chi trả: từ ngày .../.../20.....
- Mức chi trả và xác định số tiền phải chi trả
- Tỷ lệ trích lại cho cơ quan nhận ủy thác: %.

4. Kê khai, phương thức và thời hạn chi trả

a) Kê khai

- Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, bên A gửi kế hoạch nộp tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác của năm tiếp theo cho bên B theo Mẫu số 03 Phụ lục VII phần Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Chậm nhất ngày 15 tháng 12, bên A gửi bản kê nộp tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác cho bên B theo Mẫu số 05 Phụ lục VII. phần Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Phương thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản

c) Thời hạn chi trả: theo từng quý hoặc từng năm

(Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với trường hợp nộp theo quý và chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý I đối với trường hợp nộp theo năm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

1.1. Quyền của bên A

.....
.....

.....

.....

.....

1.2. Nghĩa vụ của bên A

.....

.....

.....

.....

.....

(Quyền và nghĩa vụ của bên A được thực hiện theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan)

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

2.1. Quyền của bên B

- Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên ký hợp đồng và nhận tiền ủy thác chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên của bên A.
 - Được quyền yêu cầu bên A thực hiện việc chi trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên đầy đủ và đúng thời hạn.
 - Thông báo cho bên A tình hình thực hiện chi trả ủy thác.
 - Các quyền khác
-
-
-
-
-

2.2. Nghĩa vụ của bên B

.....

.....

.....

.....

.....

(**Ghi chú:** các quyền, nghĩa vụ cụ thể của bên B căn quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của*

Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan)

Điều 3. Thời hạn của hợp đồng

.....
Điều 4. Trường hợp bất khả kháng

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 123 và khoản 2 Điều 126 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Các trường hợp bất khả kháng khác (nếu có):.....

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu xảy ra tranh chấp, các bên cùng nhau tiến hành giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 6. Cam kết chung của các bên

1. Hai bên thống nhất thông qua tất cả các điều khoản trên của Hợp đồng, cam kết thực hiện tốt các thỏa thuận trong hợp đồng này và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 bản tiếng Việt, mỗi bản có trang. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, 01 bản được gửi đơn vị hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên/cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để theo dõi, giám sát thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Chữ ký, dấu- nếu có)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Chữ ký, dấu- nếu có)

Họ và tên

Họ và tên